

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2018.

V/v “*tranh chấp xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Mạng

2- Bà Lê Thị Gấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 413/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc “*tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX - ST ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Trương Thị Vân T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

2- *Bị đơn:* Nguyễn Mai H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trương Thị Vân T trình bày: chị và anh Nguyễn Mai H do mai mối, tự nguyện tiến tới hôn

nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2000, đăng ký kết hôn tại xã K, huyện Đ năm 2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh H và sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H thường xuyên ăn nhậu, kiếm chuyện nên vợ chồng thường cự cãi nhau, anh H đánh chị 02 lần. Từ tháng 3/2017 chị và anh H không còn sống chung với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh H không gặp mặt trao đổi hàn gắn tình cảm, chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: anh, chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 09/6/2001, Nguyễn Thị Vân B, sinh ngày 10/02/2003, Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/3/2008, hiện anh H đang nuôi dưỡng cả 03 cháu. Ly hôn, chị đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi 03 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không tranh chấp.

- Về nợ chung: không có.

* Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh H trình bày: anh và chị T do mai mối tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại nhà cha mẹ anh, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì vợ kiếm chuyện cự cãi, yêu cầu ly hôn với anh vì cuộc sống không hợp nhau, nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: có 03 con chung như chị T trình bày, anh thống nhất theo đề nghị của chị T.

- Về tài sản chung: không tranh chấp.

- Về nợ chung: không có.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị vân T và anh Nguyễn Mai H; về con chung giao anh H tiếp tục nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 09/6/2001, Nguyễn Thị Vân B, sinh ngày 10/02/2003, Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/3/2008, chị T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét; nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị Vân T, Bị đơn anh Nguyễn Mai H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H là trên cơ sở mai mối, anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, giấy chứng nhận kết hôn số 111/HT ngày 02/5/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T có yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: chị và anh H do mai mối, anh chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh H hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 3/2017 anh, chị không còn sống chung với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh, chị không gặp mặt để trao đổi hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa. Ý kiến trình bày của chị T thì cương quyết xin ly hôn. Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, thể qua biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2018, ngoài ra anh H đồng ý tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, mâu thuẫn của anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh chị tự nguyện thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh chị xác định có 03 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 09/6/2001, Nguyễn Thị Vân B, sinh ngày 10/02/2003, Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/3/2008. Hiện các cháu đang sống với anh H. Anh, chị thống nhất để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, đồng thời theo nguyện vọng các con đều muốn sống chung với anh H nên Hội đồng xét xử giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, sự tự nguyện của anh H phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: anh, chị không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí: chị T là nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Qua ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang về quan điểm giải quyết vụ án có căn cứ, phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Vân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Vân T và anh Trần Mai H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho anh Trần Mai H được tiếp tục nuôi 03 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 09/6/2001, Nguyễn Thị Vân B, sinh ngày 10/02/2003, Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/3/2008

- Ghi nhận anh Trần Mai H không yêu cầu chị Trương Thị Vân T cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở Người không trực tiếp nuôi con chung đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Về chia tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Vân T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 45356 ngày 04/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Thị Vân T và anh Trần Mai H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- C.C THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện Đ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm